TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày 12-9-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Điệu

Ông Hoàng Đức Cảnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố H.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố H tham gia phiên tòa***: Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 442/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1972; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N2, xã T, huyện K, thành phố H; chỗ ở hiện nay: Thôn 3, xã L, huyện K, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn L, sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn N2, xã T, huyện K, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Lê Văn L năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố H vào ngày 08 tháng 9 năm 2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống với nhau tại Thôn N2, xã T, huyện K, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy

ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 7 năm 2015 chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã L, huyện K, thành phố H sống được khoảng một tháng thì anh Lê Văn L có tìm gọi chị quay về chung sống. Chị đã quay về chung sống với anh Lê Văn L được khoảng 2 tháng thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã L sống từ tháng 10 năm 2015 và vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hoàng Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Văn L không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Lê Văn L.

Về con chung: Chị và anh Lê Văn L không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Lê Văn L không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 8 năm 2018 bị đơn là anh Lê Văn L trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống với nhau tại nhà riêng ở Thôn N2, xã T, huyện K, thành phố H. Quá trình vợ chồng chung sống được 08 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng trong sinh hoạt gia đình, không có tiếng nói chung nên xảy ra cãi nhau. Chị Hoàng Thị T đã một lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã L, anh có nói chuyện với bố mẹ chị Hoàng Thị T và chị Hoàng Thị T quay về chung sống với anh được khoảng 02 tháng thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Cuối năm 2015 chị Hoàng Thị T lại tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xã L, huyện K, thành phố H và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Hoàng Thị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh là vợ chồng đã sống ly thân và tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hoàng Thị T. Anh đã nhận được thông báo thụ lý, giấy triệu tập và thông báo hòa giải của Tòa án nhưng vì lý do công việc nên anh không đến Tòa án được. Nay anh đề nghị Tòa án căn cứ vào lời khai của anh để giải quyết.

Về con chung và tài sản chung: Anh Lê Văn L trình bày vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Lê Văn L chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị T và bị đơn là anh Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Hoàng Thị T và bị đơn là anh Lê Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố H vào ngày 08 tháng 9 năm 2014 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L chung sống hoà thuận đến tháng 6 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay chị Hoàng Thị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Lê Văn L không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh Lê Văn L. Bị đơn là anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần; tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ hai nhưng anh Lê Văn L vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử để anh Lê Văn L có mặt tại phiên tòa thì anh Lê Văn L có bản tự khai trình bày ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị T, anh Lê Văn L khẳng định vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Hoàng Thị T. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa Hoàng Thị T và anh Lê Văn L do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị Hoàng Thị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã L, huyện K, thành phố H sống từ tháng 10 năm 2015 và vợ chồng chị Hoàng Thị T, anh Lê Văn L đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L đã kéo dài và trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị T về việc xin ly hôn anh Lê Văn L, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Văn L.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L thống nhất vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị T và anh Lê Văn L thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009132 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố H. Chị Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã T, huyện K, TP H;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiền